

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia

Quyết định số 17/2004/QĐ-NHNN ngày 05 tháng 01 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia, có hiệu lực kể từ ngày 6 tháng 02 năm 2004, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 25/2011/TT-NHNN ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011.

2. Thông tư số 29/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

3. Thông tư số 75/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/06/2003;

Căn cứ Hiệp định thương mại giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Campuchia ký ngày 24/3/1998;

Căn cứ Hiệp định mua bán trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại tại Khu vực biên giới giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Campuchia ký ngày 26/11/2001;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 6179/VPCP-KTTH ngày 6/11/2002 của Văn phòng Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối^{1,2,3},

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo.

¹ Thông tư số 25/2011/TT-NHNN về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hoá 258 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, ngành,

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định tại các văn bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành để thực thi phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực ngoại hối như sau:”

² Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản.”

³ Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.”

Điều 3^{4,5,6,7}. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng được phép, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

⁴ Điều 14 và Điều 15 của Thông tư số 25/2011/TT-NHNN về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011 qui định như sau:

“Điều 14. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

⁵ Điều 21 Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016 quy định như sau:

“Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

- Khoản 12 Điều 4 Thông tư số 24/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng theo các nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Phụ lục số 09.ĐGH kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo Nghị quyết về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./.”

⁶ Điều 36 và Điều 37 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025, quy định như sau:

“Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các văn bản, quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Thông tư 16/2015/TT-NHNN ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2013/TT-NHNN;

b) Thông tư số 23/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật để phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

c) Khoản 3, khoản 4, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 1, khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 9 Điều 2 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

QUY CHẾ
THANH TOÁN TRONG MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HOÁ
VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TẠI KHU VỰC BIÊN GIỚI VIỆT NAM -
CAMPUCHIA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 17/2004/QĐ-NHNN
ngày 05 tháng 01 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này điều chỉnh các hoạt động thanh toán trong các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại giữa thương nhân Việt Nam và thương nhân Campuchia tại khu vực biên giới Việt Nam-Campuchia.

2. Hoạt động thanh toán đối với các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ giữa thương nhân Việt Nam và thương nhân Campuchia không thực hiện tại khu vực biên giới được áp dụng các hình thức thanh toán qua Ngân hàng bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi theo thông lệ quốc tế và không chịu sự điều chỉnh của quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bàn đối ngoại tệ của cá nhân;

d) Khoản 4, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 34, khoản 26, khoản 28, khoản 29, khoản 31, khoản 32, khoản 33, khoản 35 Điều 1, Điều 2 Thông tư 28/2016/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2014/TT-NHNN;

đ) Điều 3 Thông tư 17/2018/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

e) Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 1, Điều 3 Thông tư số 15/2019/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

g) Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 24/2022/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.

Điều 37. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

⁷ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Thương nhân Việt Nam, gồm:
 - a. Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - b. Các hộ cá thể được phép kinh doanh xuất nhập khẩu theo quy định của pháp luật;
 - c. Cư dân biên giới;
2. Các Ngân hàng thương mại Việt Nam;
3. Thương nhân Campuchia (bao gồm tổ chức và cá nhân) có quan hệ mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới với thương nhân Việt Nam.

Điều 3. Các hình thức thanh toán

Hoạt động thanh toán trong các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại giữa thương nhân hai nước tại khu vực biên giới được thực hiện theo các hình thức sau:

- a. Thanh toán thông qua các Ngân hàng được phép của hai nước bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, theo thông lệ quốc tế (bao gồm các Ngân hàng đặt trụ sở ở trong hoặc ngoài tỉnh có biên giới giáp Campuchia);
- b. Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc Đồng Việt Nam (VND) thông qua tài khoản của thương nhân Campuchia mở tại các Ngân hàng được phép ở Việt Nam (tài khoản ngoại tệ và tài khoản VND của người không cư trú tại Việt Nam);
- c. Thanh toán bằng VND và Riel Campuchia (KHR) thông qua tài khoản tại các Ngân hàng được phép hoạt động ngoại hối tại tỉnh biên giới của Việt Nam và Ngân hàng thương mại Campuchia theo sự thoả thuận về quan hệ đại lý thanh toán giữa hai Ngân hàng này;
- d.⁸ *(được bãi bỏ)*
- e. Thanh toán bằng VND và KHR tiền mặt;
- g. Thanh toán theo phương thức hàng đổi hàng.

Điều 4. Đồng tiền thanh toán

Đồng tiền thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại giữa thương nhân hai nước là ngoại tệ tự do chuyển đổi (Đô la Mỹ, Euro, Bảng Anh

⁸ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

và Yên Nhật), VND và KHR. Thương nhân hai nước được lựa chọn đồng tiền thanh toán phù hợp với các quy định trong Quy chế này và các quy định khác của pháp luật.

CHƯƠNG II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi qua Ngân hàng theo thông lệ quốc tế

Khi sử dụng ngoại tệ tự do chuyển đổi làm đồng tiền thanh toán trong quan hệ mua bán trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại, thương nhân Việt Nam và thương nhân Campuchia được lựa chọn các Ngân hàng có trụ sở ở trong hoặc ngoài tỉnh biên giới thực hiện thanh toán theo thông lệ quốc tế phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối của mỗi nước.

Điều 6. Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc VND thông qua tài khoản của người không cư trú Campuchia mở tại các Ngân hàng ở Việt Nam

Thương nhân Campuchia được mở tài khoản ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc tài khoản VND tại các Ngân hàng được phép ở Việt Nam để thực hiện thanh toán các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại tại Khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia. Việc mở, sử dụng tài khoản ngoại tệ và tài khoản VND của thương nhân Campuchia tại các Ngân hàng được phép của Việt Nam thực hiện theo quy định về quản lý ngoại hối đối với tài khoản của người không cư trú.

Điều 7. Thanh toán bằng VND và KHR qua Ngân hàng được phép của hai nước tại Khu vực biên giới

1. Việc sử dụng VND và KHR trong thanh toán mua bán trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại giữa thương nhân Việt Nam và thương nhân Campuchia được thực hiện theo các quy định sau đây:

a. Ngân hàng được phép của Việt Nam tại tỉnh biên giới được phép thoả thuận với Ngân hàng của Campuchia về việc mở tài khoản VND hoặc tài khoản KHR cho nhau để phục vụ thanh toán cho thương nhân hai nước.

b. Ngân hàng được phép của hai bên có thể thoả thuận về số dư tối đa bằng VND hoặc KHR được duy trì trên tài khoản thanh toán của bên này mở tại Ngân hàng phía bên kia. Trường hợp số dư trên tài khoản vượt quá số dư tối đa theo thoả thuận thì các Ngân hàng của hai bên có thể thoả thuận chuyển đổi thành ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc tiền của mỗi bên để chuyển về nước.

c. Ngân hàng được phép của hai bên căn cứ vào khả năng của Ngân hàng và điều kiện cụ thể của từng khu vực để thoả thuận áp dụng các hình thức thanh toán phù hợp, đáp ứng các nhu cầu giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại giữa thương nhân của hai nước.

d. Tỷ giá giữa VND và KHR do Tổng Giám đốc, Giám đốc các Ngân hàng được phép (hoặc người được uỷ quyền) quyết định (trên cơ sở tham khảo tỷ giá thị trường và tỷ giá tính chéo qua đồng Đô la Mỹ hoặc theo sự thoả thuận giữa Ngân hàng của hai nước có quan hệ đại lý thanh toán).

e. Các Ngân hàng được phép thực hiện thanh toán mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại giữa hai nước bằng VND và KHR được xuất, nhập khẩu VND và KHR tiền mặt để phục vụ hoạt động kinh doanh, không phải xin phép Ngân hàng Nhà nước nhưng phải làm thủ tục khai báo Hải quan cửa khẩu khi xuất, nhập khẩu tiền mặt.

2. Việc kiểm tra hồ sơ chứng từ thanh toán theo thoả thuận giữa Ngân hàng hai bên phù hợp với quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

Điều 8.⁹ (được bãi bỏ)

Điều 9. Thanh toán bằng VND và KHR tiền mặt

Thương nhân hai nước có các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới được thực hiện thanh toán bằng VND tiền mặt hoặc KHR tiền mặt trong những trường hợp sau:

1. Đối với thương nhân Việt Nam xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ từ Việt Nam sang Campuchia:

a. Nhận thanh toán bằng VND hoặc KHR tiền mặt trên lãnh thổ Campuchia: Người đại diện cho thương nhân Việt Nam bán hàng cho thương nhân Campuchia có mang VND hoặc KHR tiền mặt khi nhập cảnh vào Việt Nam phải làm thủ tục khai báo Hải quan cửa khẩu số VND hoặc KHR tiền mặt mang theo, xuất trình cho Hải quan cửa khẩu Hợp đồng mua bán hàng hoá và tờ khai hàng hoá xuất khẩu để Hải quan cửa khẩu đối chiếu kiểm tra.

b. Nhận thanh toán bằng VND hoặc KHR bằng tiền mặt trên lãnh thổ Việt Nam: Thương nhân Campuchia được sử dụng VND hoặc KHR tiền mặt từ các nguồn sau đây để thanh toán mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại với thương nhân Việt Nam:

- VND tiền mặt rút từ tài khoản VND mở tại Ngân hàng được phép ở Việt Nam hoặc VND có được từ nguồn thu nhập hợp pháp tại Việt Nam;

- VND mang từ Campuchia vào có xác nhận của Hải quan cửa khẩu trên tờ khai Hải quan khi nhập cảnh;

- KHR tiền mặt mang từ Campuchia vào có xác nhận của Hải quan cửa khẩu hoặc từ các nguồn thu nhập hợp pháp tại Việt Nam.

⁹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

2. Đối với thương nhân Việt Nam nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ từ Campuchia vào Việt Nam:

a. Thanh toán bằng VND hoặc KHR tiền mặt trên lãnh thổ Campuchia: Thương nhân Việt Nam được sử dụng nguồn thu VND, KHR tiền mặt từ việc bán hàng hoá hay cung cấp dịch vụ cho phía Campuchia trên lãnh thổ Campuchia hoặc được mang tiền mặt VND, KHR từ Việt Nam sang Campuchia để thực hiện thanh toán cho thương nhân Campuchia. Khi mang VND hoặc KHR tiền mặt sang Campuchia, thương nhân Việt Nam phải làm thủ tục khai báo Hải quan cửa khẩu số VND hoặc KHR tiền mặt mang theo, xuất trình cho Hải quan cửa khẩu Hợp đồng mua bán hàng hoá và tờ khai hàng hoá nhập khẩu để Hải quan cửa khẩu đối chiếu kiểm tra mà không phải xuất trình giấy phép mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt ra nước ngoài do ngân hàng cấp. Số tiền VND hoặc KHR tiền mặt phải phù hợp với số tiền thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hoá đã ký.

b. Thanh toán bằng VND hoặc KHR tiền mặt trên lãnh thổ Việt Nam:

Thương nhân Campuchia được nhận thanh toán bằng VND hoặc KHR tiền mặt từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ cho thương nhân Việt Nam. Thương nhân Campuchia mang VND hoặc KHR tiền mặt từ Việt Nam sang Campuchia khi xuất cảnh phải làm thủ tục khai báo Hải quan cửa khẩu số VND hoặc KHR tiền mặt mang theo, xuất trình cho Hải quan cửa khẩu Hợp đồng mua bán hàng hoá và tờ khai hàng hoá nhập khẩu để Hải quan cửa khẩu đối chiếu kiểm tra mà không phải xuất trình giấy phép mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt ra nước ngoài do ngân hàng cấp. Số tiền VND hoặc KHR tiền mặt phải phù hợp với số tiền thanh toán trong hợp đồng đã ký kết giữa thương nhân của hai nước.

Thương nhân Việt Nam và Campuchia thanh toán bằng VND hoặc KHR tiền mặt trong các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại tại Khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia phải làm đầy đủ thủ tục Hải quan về khai báo xuất nhập khẩu tiền mặt và tự chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn trong vận chuyển và chịu mọi rủi ro trong quá trình thanh toán.

Điều 10. Thanh toán theo phương thức hàng đổi hàng

Thương nhân Việt Nam có các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại với thương nhân Campuchia được thoả thuận thanh toán dưới hình thức hàng đổi hàng theo các quy định sau:

1. Hàng hoá mua bán, trao đổi phải phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật mỗi nước về quản lý hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Đồng tiền sử dụng để tính toán hoặc thanh toán chênh lệch trong giao dịch hàng đổi hàng là ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc VND hoặc KHR.

3. Phân chênh lệch trong giao dịch hàng đổi hàng được thanh toán theo các phương thức nêu trên. Chứng từ thanh toán phân chênh lệch áp dụng như đối với thanh toán xuất khẩu, nhập khẩu, phù hợp với từng hình thức thanh toán.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm tổ chức thực hiện¹⁰

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tinh biên giới quán triệt nội dung Quy chế này, xin ý kiến chỉ đạo của cấp Ủy và chính quyền địa phương, tổ chức và triển khai thực hiện thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; phổ biến hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn; thực hiện phối hợp cùng các cơ quan hữu quan như thương mại, tài chính, hải quan, công an, biên phòng tổ chức triển khai tốt hoạt động thanh toán hàng hóa xuất nhập khẩu và dịch vụ thương mại tại khu vực biên giới.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có tinh biên giới quản lý và giám sát việc thực hiện thanh toán biên giới đối với các ngân hàng được phép và tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Tổng Giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng được phép chỉ đạo các chi nhánh của ngân hàng mình tại các tinh biên giới Việt Nam - Campuchia chủ động liên hệ với các ngân hàng thương mại phía Campuchia để thoả thuận đặt quan hệ đại lý thanh toán phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, VND, KHR theo Quy chế này, đáp ứng nhu cầu thanh toán trong các giao dịch mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại giữa thương nhân hai nước tại khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia.

Điều 12. Chế độ thông tin báo cáo¹¹

1. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 05 tháng đầu quý sau, các Ngân hàng hoặc chi nhánh Ngân hàng thực hiện thanh toán với Campuchia theo Quy chế này tổng hợp tình hình thanh toán, báo cáo Ngân hàng nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn (theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy chế này).

2. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 10 tháng đầu quý sau, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực tổng hợp tình hình thanh toán theo quy định tại Quy chế này, báo

¹⁰ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

¹¹ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối) (Theo mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quy chế này).

Điều 13. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 01¹² (được bãi bỏ)

Phụ lục 02¹³ (được bãi bỏ)

¹² Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

¹³ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

Phụ lục 3

NGÂN HÀNG

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THANH TOÁN VỚI CAMPUCHIA

Quý năm

Kính gửi: NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC¹⁴.....

Đơn vị: USD

STT	Hình thức thanh toán	Số tiền thanh toán (USD)	
		Xuất khẩu	Nhập khẩu
1	Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi thông qua ngân hàng hai nước theo thông lệ quốc tế		
2	Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc VND thông qua tài khoản của thương nhân Campuchia mở tại các ngân hàng Việt Nam		
3	Thanh toán bằng VND và KHR qua ngân hàng tỉnh biên giới		
Tổng			

....., ngày tháng năm....

GIÁM ĐỐC

(ký tên, đóng dấu)

¹⁴ Cụm từ “Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh (thành phố)” được thay bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực” theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

Phụ lục 4¹⁵ (được bãi bỏ)

Phụ lục 5¹⁶

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
Chi nhánh Khu vực.....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỚI CAMPUCHIA
Quý...năm...**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

Đơn vị: USD

STT	Hình thức thanh toán	Số tiền thanh toán	
		Xuất khẩu	Nhập khẩu
1	Thanh toán thông qua ngân hàng hai nước bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi		
2	Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc VND thông qua tài khoản của thương nhân Campuchia mở tại các ngân hàng Việt Nam		
3	Thanh toán bằng VND hoặc KHR thông qua ngân hàng tỉnh biên giới		
Tổng cộng			

¹⁵ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

¹⁶ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

Phụ lục 4¹⁵ (được bãi bỏ)Phụ lục 5¹⁶NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAMChi nhánh Khu vực.....CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỚI CAMPUCHIA
Quý...năm...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

Đơn vị: USD

STT	Hình thức thanh toán	Số tiền thanh toán	
		Xuất khẩu	Nhập khẩu
1	Thanh toán thông qua ngân hàng hai nước bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi		
2	Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc VND thông qua tài khoản của thương nhân Campuchia mở tại các ngân hàng Việt Nam		
3	Thanh toán bằng VND hoặc KHR thông qua ngân hàng tỉnh biên giới		
Tổng cộng			

¹⁵ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

¹⁶ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 75/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ và sử dụng ngoại hối để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

....., ngày tháng năm 20..

GIÁM ĐỐC
(ký tên, đóng dấu)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số: *26* /VBHN-NHNN

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu VP, PC3 *th*

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày *20* tháng *01* năm 2026 *D*

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đoàn Thái Sơn